

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST

Ngày 26-3-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỎ, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lý Quang Minh

2. Ông Lò Văn Chiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Xuân -Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Đồng Xuân Tím - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lý Thị H, sinh năm 1997; Nơi cư trú: Bản H, xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu. *Vắng mặt tại phiên tòa có lý do.*

2. Bị đơn: Anh Lò Văn T, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Bản H, xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu. *Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” cùng các lời khai có trong hồ sơ nguyên đơn chị Lý Thị H trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lò Văn T về đăng ký kết hôn với nhau ngày 11/01/2016 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh T chơi cờ bạc và không chung thủy với chị. Chị xét thấy không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với anh T, mục đích hôn

nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Lò Thị Thảo N, sinh ngày 05/6/2016 và Lò Thị Thu T1, sinh ngày 01/01/2018. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con chung và không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Nếu anh T có nguyện vọng nuôi con thì chị cũng đồng ý giao con cho anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, anh Lò Văn T mặc dù biết chị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ đến Tòa để làm việc nhưng cố tình vắng mặt mà không có lý do.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án; thụ lý đơn yêu cầu ly hôn; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự trong vụ án; việc ra và gửi thông báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là vi phạm về quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lý Thị H và xem xét quyết định: Chị H được ly hôn với anh T; giao con chung Lò Thị Thảo N và Lò Thị Thu T1 cho chị anh T nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung và chia tài sản chung đương sự không yêu cầu nên không xem

xét; miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn Lý Thị H đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lò Văn T có nơi cư trú tại bản H, xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cố tình vắng mặt không có lý do. Chị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Ngày 10/3/2025, Tòa án đã tiến hành mở phiên tòa lần thứ nhất, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lý Thị H đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị H và anh Lò Văn T đăng ký kết hôn ngày 11/01/2016 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn giữa chị H và anh T hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống chị H và anh T hạnh phúc được khoảng thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống khiến cho tình cảm giữa hai vợ chồng không còn. Anh chị đã sống ly thân được một thời gian và cũng không còn quan tâm, chia sẻ với nhau. Anh T cố tình không có mặt tại Tòa án để giải quyết ly hôn. Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B thì thỉnh thoảng chị H đi làm ăn xa về lại muốn ly hôn với anh T, hiện chị H không chung sống cùng anh T, anh T và chị H thường đi làm ăn xa. Tòa án triệu tập để tiến hành hòa giải nhưng anh T không đến mà không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy khoảng thời gian mâu thuẫn giữa chị H và anh T cũng đã kéo dài, giữa chị H và anh T không còn dành sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, chị H không còn tình cảm yêu thương đối với anh T, không còn hạnh phúc khi chung sống với anh T, anh T không đến Tòa án để tiến hành các thủ tục hòa giải chứng tỏ anh không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, hôn nhân giữa chị H và anh T đã thực sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với

anh T là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Lò Thị Thảo N, sinh ngày 05/6/2016 và Lò Thị Thu T1, sinh ngày 01/01/2018. Xét thấy, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con nhưng do chị đang đi làm ăn xa, thường xuyên không có mặt ở địa phương nếu anh T và bố mẹ anh T có nguyện vọng nuôi các con thì chị cũng nhất trí; các cháu Lò Thị Thảo N và Lò Thị Thu T1 đều có nguyện vọng ở với bố và ông bà nội vì các cháu mong muốn được ở cùng nhau để đi học; Bố mẹ anh T là ông Lò Văn S và bà Lò Thị T2 xác nhận anh T đi làm thuê, thường xuyên gửi tiền để ông bà nuôi dưỡng các cháu và anh T cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng các con. Vì vậy, Tòa án thấy rằng cần giao con chung Lò Thị Thảo N, sinh ngày 05/6/2016 và Lò Thị Thu T1, sinh ngày 01/01/2018 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về chia tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Lý Thị H là người đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguHoa đơn.

Quan điểm giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị H được ly hôn với anh Lò Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Lò Thị Thảo N, sinh ngày 05/6/2016 và Lò Thị Thu T1, sinh ngày 01/01/2018 cho Lò Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Chị Lý Thị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lò Văn T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về chia tài sản chung: Chị Lý Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn Lý Thị H.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- Chi cục THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã Bản Lang, huyện Phong Thổ;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Tuyết Thanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

(Ký, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

